TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:109 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích T, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện A, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Cao Thanh Đ, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện A, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T và anh Đ đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn là chị Trương Thị Bích T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Tuyền và anh Đ qua tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết kết hôn vào ngày 20/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó hai

bên thường xuyên cãi vã nhau, chị và anh Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị T có đơn khởi kiện và yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ chung sống với nhau có con chung là Cao Trương Thiên Ân, sinh ngày 17/9/2010. Khi ly hôn, chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn là anh Cao Thanh Đ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã có Thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị T thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn anh Đ chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bích T được ly hôn với anh Cao Thanh Đ.

- Về con chung: giao con chung là Cao Trương Thiên Ân, sinh ngày 17/9/2010 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Trương Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Cao Thanh Đ. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Tuyền xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Cao Thanh Đ có nơi cư trú tại ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Trương Thị Bích T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, anh Cao Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo chị T trình bày trong quá trình chung sống, chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên thường xuyên cãi vã nhau, chị và anh Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh Đ nữa nên chị khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ đã được Tòa án Thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa chị T và Điền được. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, anh Đ không có ý kiến phản đối, để cho chị T tự giải quyết.

Xét thấy, giữa chị T và anh Đ không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị T và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Truyền để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị T trình bày chị và anh Đ có một con chung là Cao Trương Thiên Ân, sinh ngày 17/9/2010. Khi ly hôn chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh Đ không có ý kiến gì đến việc nuôi con chung.

Hiện nay con chung đang sống với chị T nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T có quyền yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với anh Đ thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh Đ có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị Tuyền đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích T. Chị Trương Thị Bích T được ly hôn với anh Cao Thanh Đ.

2. Về con chung: giao con chung là Cao Trương Thiên Ân, sinh ngày 17/9/2010 cho chị Trương Thị Bích T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Bích T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003353 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị Truyền đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ